

Bản án số: **147/2022/HS-PT**
Ngày: 26 - 7 - 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thành Quang**

Các Thẩm phán: Ông **Trương Ngọc Hồng**

Ông **Vũ Thế Mạnh**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trương Thị Quý** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Tuyết Nhung** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 96/2022/TLPT-HS ngày 19 tháng 5 năm 2022 đối với bị cáo Thái Minh E, do có kháng cáo của bị hại Phạm Văn S đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 36/2022/HS-ST ngày 20 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

- Bị cáo bị kháng cáo:

Thái Minh E, sinh năm 1987, tại Hồng Ngự - Đồng Tháp.

Nơi cư trú: Khu phố 1, phường A, thành phố P, tỉnh Kiên Giang; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Hòa Hảo; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hoá: 6/12; con ông Thái Văn L và bà Nguyễn Thị M; vợ Phạm Thị Ngọc Tr; con có 02 người, lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2014; tiền sự: Không, tiền án: Không. Bị cáo tại ngoại (có mặt).

- Bị hại kháng cáo: Ông **Phạm Văn S**, sinh năm 1995 (có mặt).

Địa chỉ: Khu phố 1, phường A, thành phố P, tỉnh Kiên Giang,

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ 00 phút ngày 09/3/2021, Phạm Văn S gọi điện thoại cho Thái Minh E để hỏi về việc E cho bà Trần Thị L là người quen của S vay số tiền 75.000.000 đồng, bà L đã trả cho E được 40.000.000 đồng, số tiền còn lại S đòi trả cho E 35.000.000 đồng, nhưng E không đồng ý. Sau đó, S điện thoại rủ Châu M là người quen với bà L đến nhà E để giải quyết việc trả nợ cho bà L, thì M đồng ý.

Đến khoảng 20 giờ 20 phút cùng ngày. S và M đến nhà E tại khu phố 1, phường A, thành phố P, khi đến trước nhà S kêu E ra ngoài gặp S để nói chuyện, nhưng E không ra, thì xảy ra cự cãi giữa E với S. E từ trong nhà chạy ra thì S và M bỏ chạy đến con hẻm gần đó, S lấy chân dũ bằng kim loại dài 66 cm, M lấy một cục gạch ông quay lại nhà E. S và E tiếp tục cự cãi nhau, S cầm chân dũ đánh một cái trúng vào tay E nhưng không gây thương tích. Sau khi bị đánh E lấy cây dao bằng kim loại dài 32 cm trong tủ kính gần đó nhào tới đâm vào người S. S dùng tay trái chụp trúng lưỡi dao làm đứt gân gấp ngón 1 bàn tay trái S lùi lại thì bị trượt chân té xuống lề đường, E cầm dao tiếp tục nhào tới đánh S, thì M cầm cục gạch đánh một cái trúng vào vùng đầu E nhưng không gây thương tích, E bỏ chạy vào nhà, còn S được M chở đến Đội điều trị 78 Vùng 5 Hải quân điều trị vết thương. Ngày 16/11/2021, Thái Minh E bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố P ra quyết định khởi tố vụ án và cầm đi khỏi nơi cư trú.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 cây dao tự chế bằng kim loại không có nhãn hiệu dài 32 cm, cán dao bằng kim loại màu xám dài 11 cm, lưỡi dao bằng kim loại màu trắng dài 21 cm, mũi dao nhọn, đã qua sử dụng.

Theo bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 444/TgT ngày 08/11/2021 của Trung tâm pháp y – Sở y tế tỉnh Kiên Giang thì thương tích của Phạm Văn S được kết luận như sau:

“1. Dấu hiệu chính qua giám định: Vết thương ngón I tay trái, đứt gân cơ ngón I, trật hờ khớp bàn ngón I và hạn chế gấp duỗi khớp bàn ngón I bàn tay trái.

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 16% (Mười sáu phần trăm).

3. Vật gây thương tích: Vật sắt, vật chứng (cây dao) gửi giám định gây được thương tích trên.

4. Về chức năng bộ phận cơ thể: Thương tích gây hạn chế chức năng vận động ngón I bàn tay trái mức độ ít.

5. Cơ chế hình thành thương tích: Thương tích do vật sắt tác động vào ngón I tay trái theo chiều hướng từ trước ra sau so với trục giải phẫu của cơ thể.”

*** Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 36/2022/HS-ST, ngày 20/4/2022 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:**

1. Áp dụng: Điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Thái Minh E phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Xử phạt: Bị cáo Thái Minh E 02 (Hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 04 (Bốn) năm. Thời hạn tù được tính kể từ ngày tuyên án là ngày 20/4/2022.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Thái Minh E phải bồi thường cho người bị hại anh Phạm Văn S số tiền là 9.423.600 đồng (gồm: chi phí điều trị 4.223.600đ; tiền mất thu nhập 600.000đ; tiền chi phí đi lại khám chữa bệnh 4.000.000đ; tiền mất thu nhập của

người nuôi bệnh: 600.000đ), khấu trừ số tiền khắc phục hậu quả bị cáo đã nộp tại Cơ quan chỉ cục Thi hành án dân sự, theo biên lai thu số 0002976 ngày 28/3/2022 số tiền là 4.223.600 đồng, bị cáo còn phải bồi thường cho người bị hại là 5.200.000 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và báo quyền kháng cáo theo luật định.

*** Sau khi xét xử sơ thẩm:** Ngày 26/4/2022, bị hại Phạm Văn S có đơn kháng cáo với nội dung yêu cầu tăng hình phạt của bị cáo lên 03 (ba) năm tù và yêu cầu bồi thường số tiền 180.000.000 đồng.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Bị hại có ý kiến: Bị hại xin rút lại kháng cáo tăng hình phạt đối với bị cáo; yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại tổng cộng là 39.500.000 đồng.

- Bị cáo có ý kiến: Bị cáo thừa nhận cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự là đúng tội của bị cáo; đồng ý bồi thường cho bị hại số tiền 39.500.000 đồng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:* Cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự là đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, bị hại xin rút lại một phần kháng cáo về yêu cầu tăng hình phạt của bị cáo nên đề nghị HĐXX đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo này của bị hại. Đồng thời, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm b khoản 2 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận một phần kháng cáo của bị hại, sửa Bản án sơ thẩm theo hướng ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo đồng ý bồi thường thiệt hại cho bị hại là 39.500.000 đồng.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Xin HĐXX giữ nguyên mức án như cấp sơ thẩm đã tuyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo:

Xét đơn kháng cáo của bị hại về nội dung, quyền kháng cáo, thủ tục kháng cáo và thời hạn kháng cáo đã đúng quy định tại Điều 331, 332 và 333 của Bộ luật tố tụng hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quyết định của Bản án sơ thẩm:

Vào khoảng 20 giờ 20 phút ngày 09/3/2021, Phạm Thanh S đến nhà của Thái Minh E tại khu phố 1, phường A, thành phố P, tỉnh Kiên Giang để giải quyết việc bà L (mẹ nuôi của S) còn thiếu tiền của E. Sau khi cự cãi nhau, S dùng cán cây dừa đánh vào vai E, E đã dùng cây dao đâm vào người S, S dùng tay trái chụp trúng lưỡi dao gây thương tích ở bàn tay với tỷ lệ qua giám định là 16%. Hành vi

của bị cáo E dùng hung khí nguy hiểm gây thương tích cho bị hại là vi phạm quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự và gây tổn thương cơ thể cho bị hại với tỷ lệ trên 11%, nên cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị hại:

[3.1] Đối với kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt của bị cáo.

Tại phiên tòa, bị hại đã rút lại một phần kháng cáo về tăng hình phạt của bị cáo. Xét thấy, việc rút kháng cáo của bị hại là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX căn cứ khoản 3 Điều 342 Bộ luật tố tụng hình sự đình chỉ xét xử phúc thẩm phần kháng cáo này của bị hại.

[3.2] Đối với kháng cáo yêu cầu tăng mức bồi thường.

Tại phiên tòa, bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường các khoản gồm: Chi phí điều trị thương tích, chi phí đi lại khám bệnh, tiền mất thu nhập, tiền tổn thất tinh thần, tiền công của người nuôi bệnh với tổng số tiền là 39.500.000 đồng.

Xét thấy, yêu cầu của bị hại là phù hợp và có căn cứ nên cần chấp nhận. Tại phiên tòa, bị cáo cũng tự nguyện đồng ý bồi thường số tiền trên cho bị hại, nên HĐXX ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo. Khấu trừ số tiền 4.223.600 đồng và 5.160.000 đồng mà bị cáo đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P theo biên lai thu số 0002976 ngày 28/3/2022 và số 0002998 ngày 28/4/2022. Bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường số tiền còn lại là 30.116.400 đồng (làm tròn bằng 30.116.000 đồng).

[4] Về quan điểm của Kiểm sát viên: Đề nghị HĐXX đình chỉ một phần kháng cáo của bị hại và chấp nhận một phần kháng cáo của bị hại, sửa bản án sơ thẩm theo hướng ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo bồi thường cho bị hại tổng số tiền 39.500.000 đồng. Xét đề nghị này của Viện kiểm sát là phù hợp nên HĐXX chấp nhận.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị hại kháng cáo được chấp nhận nên không phải chịu án phí phúc thẩm.

Do bản án sơ thẩm bị sửa về phần trách nhiệm dân sự nên HĐXX sửa lại phần án phí dân sự giá ngạch. Bị cáo phải chịu án phí dân sự giá ngạch đối với số tiền chưa bồi thường là $30.116.000 \text{ đồng} \times 5\% = 1.505.800 \text{ đồng}$ (làm tròn bằng 1.506.000 đồng), khấu trừ 300.000 đồng bị cáo đã nộp theo Biên lai số 0002998 của Chi cục Thi hành dân sự thành phố P. Bị cáo còn phải nộp 1.206.000 đồng.

[6] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 3 Điều 342 Bộ luật tố tụng hình sự: Đình chỉ xét xử phúc thẩm một phần kháng cáo của bị hại Phạm Văn S về yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo Thái Minh E.

2. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm b khoản 2 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị hại Phạm Văn S về yêu cầu tăng bồi thường. Sửa Bản án sơ thẩm số: 36/2022/HSST ngày 20/4/2022 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang về phần trách nhiệm dân sự.

3. Áp dụng: Điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo **Thái Minh E - 02 (Hai) năm tù cho hưởng án treo** về tội **“Cố ý gây thương tích”**, thời gian thử thách là 04 (Bốn) năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 20/4/2022).

Giao bị cáo Thái Minh E cho Ủy ban nhân dân phường A, thành phố P, tỉnh Kiên Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự. Trường hợp bị cáo Thái Minh E thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68, 92 Luật thi hành án hình sự.

4. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585 và 590 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Thái Minh E bồi thường cho bị hại Phạm Văn S số tiền là 39.500.000 đồng, khấu trừ số tiền 4.223.600 đồng và 5.160.000 đồng mà bị cáo đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P theo hai biên lai thu số 0002976 ngày 28/3/2022 và số 0002998 ngày 28/4/2022. Bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường cho bị hại số tiền còn lại là **30.116.000** đồng (ba mươi triệu một trăm mười sáu nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, bị hại Phạm Văn S có quyền liên hệ Chi cục thi hành án dân sự thành phố P để nhận số tiền mà bị cáo đã bồi thường là 9.383.600 đồng theo hai biên lai thu tiền số 0002976 ngày 28/3/2022 và số 0002998 ngày 28/4/2022.

5. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị hại không phải chịu án phí phúc thẩm.

Bị cáo phải chịu án phí dân sự giá ngạch là: 1.506.000 đồng, khấu trừ 300.000 đồng bị cáo đã nộp theo Biên lai số 0002998 của Chi cục thi hành dân sự thành phố P. Bị cáo còn phải nộp thêm 1.206.000 đồng (Một triệu hai trăm lẻ sáu nghìn đồng).

6. Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm số: 36/2022/HSST ngày 20 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Vụ giám đốc kiểm tra 1 (1);
- VKSND Cấp cao tại Tp. HCM (1);
- TAND Cấp cao tại Tp.HCM (1);
- VKSND tỉnh KG (1);
- Sở Tư pháp tỉnh KG (1);
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh KG (1);
- Bị cáo (1);
- Bị hại (1)
- Cơ quan điều tra huyện (1)
- VKS huyện (1)
- Tòa án huyện (1)
- Thi hành án hình sự huyện (1)
- Chi cục thi hành án dân sự huyện (1)
- Tổ hành chính tư pháp (1);
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu tòa hình sự (5).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Quang